Chi tiết giá đất ở tại 95 xã phường trong dự thảo bảng giá đất Đồng Nai năm 2026 được quy định tại (trang 39) Dự thảo Báo cáo  thuyết minh  về việc thực hiện “Dự án xây dựng bảng giá đất năm 2026 tỉnh Đồng Nai (sau sáp nhập tỉnh)” cụ thể như sau:

**1. Tại Phường Bảo Vinh**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 197; trong đó, điều chỉnh giá 28 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 169 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 14.400.000 đồng/m2 tại Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Bảo Vinh-Bảo Quangđến Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn

**2.Tại Phường Biên Hòa**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 108; trong đó, điều chỉnh giá 17 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 91 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 26.000.000 đồng/m2 tại Đường Bùi Hữu Nghĩa đoạn từ Từ Nguyễn Tri Phương đến Đến đường Nguyễn Thị Tồn.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 2.184.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Diêu đoạn từ Đường Bùi Hữu Nghĩa đến Đến giáp ranh giới thành phố Hồ Chí Minh đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng:

- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.

- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m."

**3. Tại Phường Bình Lộc**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 183; trong đó, điều chỉnh giá 24 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 159 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 17.600.000 đồng/m2 tại Đường 21 tháng 4 đoạn Suối Tre – Bình Lộc đến đường Võ Duy Dương

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 501.000 đồng/m2 tại  "Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc đoạn từ Đường Bình Lộc - Cây Da đến Ranh xã Xuân Bắc đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng:

- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.

- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m."            .

**4. Tại Phường Hàng Gòn**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 99; trong đó, điều chỉnh giá 14 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 85 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 11.760.000 đồng/m2 tại Đường 21 tháng 4 đoạn Đầu Cầu Gia Liên đến Giáp ngã ba Tân Phong

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 1.501.000 đồng/m2 tại "Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế đoạn từ Ngã ba đường đi Xuân Quế đến Giáp ranh xã Xuân Quế đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng:

- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.

- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m."

**5. Tại Phường Hố Nai**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 281; trong đó, điều chỉnh giá 40 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 241 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 57.200.000 đồng/m2 tại Đường Điểu Xiển đoạn từ Từ ranh phường Hố Nai đến Đường Bắc Sơn - Long Thành.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 1.088.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung Đông đoạn từ Đường Đông Hải - Lộ Đức đến Giáp ranh phường Trảng Dài đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng:

- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.

- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m."

**6. Tại Phường Long Bình**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 176; trong đó, điều chỉnh giá 25 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 151 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 57.200.000 đồng/m2 tại Đường Điểu Xiển đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Đến hết thửa đất số 22, tờ BĐĐC số 67, phường Long Bình.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 2.879.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Bổn đoạn từ Đoạn giáp ranh nhà máy nước Thiện Tân đến Giáp ranh phường Long Bình và phường Trảng Dài đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng:

- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.

- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.

**7. Tại Phường Long Hưng**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 148; trong đó, điều chỉnh giá 21 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 127 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 55.100.000 đồng/m2 tại Đường Hùng Vương đoạn từ Đường 21/4 đến Đường Cách mạng tháng 8.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 2.040.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 2đoạn từ đường Ngô Quyền  đến cầu cây Ngã đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng:

- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.

- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

**8. Tại Phường Long Khánh**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 666; trong đó, điều chỉnh giá 88 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 578 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 45.000.000 đồng/m2 tại Đường Hùng Vương đoạn Đường 21/4 đến Đường Cách mạng tháng 8.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 501.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 10 đoạn từ Đường Bàu Trâm 1 đến Giáp ranh xã Xuân Lộc đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng:

- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.

- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

**9. Tại Phường Phước Tân**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 134; trong đó, điều chỉnh giá 19 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 115 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 36.450.000 đồng/m2 tại Đường Bùi Văn Hòa đoạn Quốc lộ 51 đến hết ranh phường Phước Tân

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 1.944.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Đình Cận đoạn từ Quốc lộ 51 đến hết ranh thửa đất số 242, tờ BĐĐC số 88 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 88 về bên trái, phường Phước Tân đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng:

- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.

- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.

**10. Tại Phường Tam Hiệp**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 316; trong đó, điều chỉnh giá 45 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 271 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 60.000.000 đồng/m2 tại Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Từ đoạn giáp ranh phường Trấn Biên đến Ngã 4 Tân Phong.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 3.640.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Văn Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đến đường ray tàu hỏa đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng:

- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.

- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.

**11. Tại Phường Tam Phước**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 113; trong đó, điều chỉnh giá 16 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 97 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 24.300.000 đồng/m2 tại Quốc lộ 51 đoạn từ Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ Quân Khuyển đến ranh giới phường Tam Phước và xã An Phước.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 1.496.000 đồng/m2 Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 đoạn từ Đường Phùng Hưng đến hết ranh giới phường Tam Phước đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng:

- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.

- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.

**12. Tại Phường Tân Triều**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 386; trong đó, điều chỉnh giá 55 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 331 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 60.000.000 đồng/m2 tại Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Giáp ranh phường Trấn Biên đến Đường Đồng Khởi.

**13. Tại Phường Trấn Biên**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 557; trong đó, điều chỉnh giá 82 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 475 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 76.000.000 đồng/m2 tại Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Từ Cầu Rạch Cát đến Đường Võ Thị Sáu.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 1.496.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Từ Ngã ba Gạc Nai đến Đến giáp ranh phường Tân Triều đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng:

- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.

- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.

**14. Tại Phường Trảng Dài**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 260; trong đó, điều chỉnh giá 25 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 150 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 51.300.000 đồng/m2 tại Đường Đồng Khởi đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Cầu Đồng Khởi.

**15. Tại Phường Xuân Lập**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 113; trong đó, điều chỉnh giá 16 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 97 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 12.143.000 đồng/m2 tại Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Giáp ranh phường Long Khánh.

**16. Tại xã An Phước**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 85; trong đó, điều chỉnh giá 12 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 73 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 42.000.000 đồng/m2 tại Quốc lộ 51 mũi tàu đến giáp ranh xã Long Thành

**17. Tại xã An Viễn**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 99; trong đó, điều chỉnh giá 14 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 85 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 15.300.000 đồng/m2 tại Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đến giáp ranh xã Trảng Bom.

**18. Tại xã Bàu Hàm**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 141; trong đó, điều chỉnh giá 20 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 121 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 4.000.000 đồng/m2 tại Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Giáp ranh xã Trảng Bom đến Đường vào Công ty Đông Nhi.

**19. Tại xã Bình An**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 113; trong đó, điều chỉnh giá 16 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 97 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 20.750.000 đồng/m2 tại Trường Chinh đoạn từ mũi tàu đến Võ Thị Sáu

**20. Tại xã Bình Minh**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 225; trong đó, điều chỉnh giá 24 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 201 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 22.100.000 đồng/m2 tại Đường tỉnh 767 đoạn từ Ngã 3 Trị An đến Công ty Việt Vinh.

**21. Tại xã Cẩm Mỹ**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 190 trong đó, điều chỉnh giá 27 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 163 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 7.480.000 đồng/m2 tại Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến bến xe xã Cẩm Mỹ.

**22. Tại xã Đại Phước**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 242; trong đó, điều chỉnh giá 37 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 205 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 18.000.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường tại Cù Lao Đại Phước (Đường trục trung tâm cù lao Đại Phước).

**﻿﻿23. Tại xã Đăk Lua**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 36; trong đó, điều chỉnh giá 5 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 31 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 3.250.000 đồng/m2 tại Đường Đắc Luađoạn từ hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 11 về bên phải và hết ranh thửa đất số 23, tờ BĐĐC số 11 về bên trái, xã Đắc Lua đến bến phà.

**24. Tại xã Dầu Giây**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 274; trong đó, điều chỉnh giá 39 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 235 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 16.280.000 đồng/m2 tại Quốc lộ 1 đoạn từ đường Ngô Quyền - Sông Thao đến Ngã tư Dầu Giây

**25. Tại xã Định Quán**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 442; trong đó, điều chỉnh giá 63 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 379 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 21.000.000 đồng/m2 tại Quốc lộ 20 đoạn từ giáp chi nhánh Điện lực Định Quán đến Cầu Trắng.

**26. Tại xã Gia Kiệm**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 176; trong đó, điều chỉnh giá 25 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 151 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 18.400.000 đồng/m2 tại Quốc lộ 20 đoạn từ ngã ba đường vào ấp Lạc Sơn đến giáp ranh xã Thống Nhất.

**27. Tại xã Hưng Thịnh**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 204; trong đó, điều chỉnh giá 29 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 175 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 17.000.000 đồng/m2 tại Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã An Viễn đến Nhà thờ Lộc Hòa.

**28. Tại xã La Ngà**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 127; trong đó, điều chỉnh giá 18 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 109 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 16.280.000 đồng/m2 tại Quốc lộ 20 đoạn từ Trường PHTH Điểu Cải đến ngã 3 cây xăng.

**29. Tại xã Long Phước**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 92; trong đó, điều chỉnh giá 13 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 79 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 16.600.000 đồng/m2 tại Quốc lộ 51 đoạn từ giáp ranh xã Long Thành đến Cầu Suối Cả.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 1.300.000 đồng/m2 tại Các đường còn lại.

**30. Tại xã Long Thành**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 519; trong đó, điều chỉnh giá 87 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 432 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 48.300.000 đồng/m2 tại Đường Lê Duẩn đường Trần Phú đến đường Lý Tự Trọng.

**31. Tại xã Nam Cát Tiên**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 92; trong đó, điều chỉnh giá 13 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 79 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 3.570.000 đồng/m2 tại Đường Phú Lập đi xã Nam Cát Tiên đoạn từ Ranh xã Tà Lài đến hết chợ Núi Tượng

**32. Tại xã Nhơn Trạch**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 414; trong đó, điều chỉnh giá 59 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 355 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 22.000.000 đồng/m2 tại Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ giáp ranh xã Nhơn Trạch đến đường Trần Phú.

**33. Tại xã Phú Hòa**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 106; trong đó, điều chỉnh giá 15 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 91 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 27.010.000 đồng/m2 tại Quốc lộ 20 đoạn từ giáp ranh xã Định Quán đến Đến đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 550.000 đồng/m2 tại Các đường còn lại.

**34. Tại xã Phú Lâm**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 239; trong đó, điều chỉnh giá 34 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 205 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 24.000.000 đồng/m2 tại Quốc lộ 20 đoạn từ ngã tư Cây Xoài (xã Phú Lâm) đến ngã tư Cây Dừa (xã Phú Lâm).

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 600.000 đồng/m2 tại Các đường còn lại.

**35. Tại xã Phú Lý**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 134; trong đó, điều chỉnh giá 17 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 117 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 2.900.000 đồng/m2 tại Đường tỉnh 761 đoạn từ Cầu suối Kóp đến Hết chợ Phú Lý.

**36. Tại xã Phước An**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 176; trong đó, điều chỉnh giá 25 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 151 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 49.100.000 đồng/m2 tại Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ ranh giới xã Nhơn Trạch đến Cửa hàng xăng dầu An Phú.

**37. Tại xã Phước Thái**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 64; trong đó, điều chỉnh giá 9 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 55 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 20.800.000 đồng/m2 tại Quốc lộ 51 từ Cầu Thái Thiện đến giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh..

**38. Tại xã Sông Ray**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 148; trong đó, điều chỉnh giá 21 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 127 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 9.500.000 đồng/m2 tại Đường tỉnh 764 đoạn từ đường liên ấp 1 - ấp 5 đến cây xăng Nông trường Sông Ray.

**39. Tại xã Tà Lài**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 71; trong đó, điều chỉnh giá 8 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 63 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 4.500.000 đồng/m2 tại Đường Tà Lài đoạn từ đường ấp 2-4 đến đường ấp 3-4.

**40. Tại xã Tân An**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 148; trong đó, điều chỉnh giá 21 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 127 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 7.560.000 đồng/m2 tại Đường tỉnh 768 đoạn Giáp ranh phường Trảng Dài đến Cầu Thủ Biên

**41. Tại xã Tân Phú**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 505; trong đó, điều chỉnh giá 72 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 433 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 18.000.000 đồng/m2 tại Quốc lộ 20 đoạn từ đường Tà Lài đến đường Phạm Ngọc Thạch.

**42. Tại xã Thanh Sơn**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 50; trong đó, điều chỉnh giá 7 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 43 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 1.924.000 đồng/m2 tại Đường Thanh Sơn (Phía rẽ phải từ ngã ba Bến phà) đoạn từ ngã ba Bến phà đến ngã ba Lô Năm.

**43. Tại xã Thống Nhất**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 134; trong đó, điều chỉnh giá 19 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 115 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 16.300.000 đồng/m2 tại Quốc lộ 20 đoạn từ giáp ranh xã Gia Kiệm đến đường Vườn Xoài.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 500.000 đồng/m2 tại Các đường còn lại.

**44. Tại xã Trảng Bom**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 685; trong đó, điều chỉnh giá 101 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 580 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 19.800.000 đồng/m2 tại Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường An Dương Vương

**45. Tại xã Trị An**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 442; trong đó, điều chỉnh giá 63 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 379 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 11.250.000 đồng/m2 tại Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Cầu Vĩnh An đến Ngã ba huyện Vĩnh Cửu.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 300.000 đồng/m2 tại Các đường còn lại.

**46. Tại xã Xuân Bắc**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 183; trong đó, điều chỉnh giá 26 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 157 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 6.240.000 đồng/m2 tại Đường tỉnh 763 đoạn từ giáo xứ Suối Nho đến suối Tà Rua.

**47. Tại xã Xuân Định**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 204; trong đó, điều chỉnh giá 19 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 115 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 5.100.000 đồng/m2 tại Quốc lộ 1.

**48. Tại xã Xuân Đông**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 246; trong đó, điều chỉnh giá 35 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 211 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 7.700.000 đồng/m2 tại Đường tỉnh 764 đoạn từ đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray đến hết cây xăng Nông trường Sông Ray.

**49. Tại xã Xuân Đường**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 85; trong đó, điều chỉnh giá 19 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 115 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 9.200.000 đồng/m2 tại Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 650.000 đồng/m2 tại Các đường còn lại.

**50. Tại xã Xuân Hòa**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 169; trong đó, điều chỉnh giá 24 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 145 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 5.100.000 đồng/m2 tại Quốc lộ 1 đoạn từ hết chùa Quảng Long đến đường Cầu Trắng.

**51. Tại xã Xuân Lộc**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 1191; trong đó, điều chỉnh giá 170 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 1021 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 22.800.000 đồng/m2 tại Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ hết Trường Tiểu học Kim Đồng đến cầu Phước Hưng.

**52. Tại xã Xuân Phú**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 253; trong đó, điều chỉnh giá 22 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 231 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 8.700.000 đồng/m2 tại Quốc lộ 1 đoạn từ Khu vực chợ Bình Hòa hướng đi Long Khánh 400m, hướng Ông Đồn 200m (từ đường Xuân Phú 16 đến hết mét thứ 494).

**53. Tại xã Xuân Quế**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 106; trong đó, điều chỉnh giá 15 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 91 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 7.800.000 đồng/m2 tại Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ cầu Quân Y đến đường vào Nhà Văn hóa ấp 4.

**54. Tại xã Xuân Thành**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 169; trong đó, điều chỉnh giá 24 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 145 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 5.400.000 đồng/m2 tại Đường tỉnh 766 đoạn từ giáp ranh xã Xuân Lộc đến cây xăng số 9.

**55. Tại xã Phú Vinh**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 155; trong đó, điều chỉnh giá 22 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 133 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 27.010.000 đồng/m2 tại Quốc lộ 20 đoạn từ giáp ranh xã Định Quán đến Đường Ngã ba Phú Lợi - Phú Hòa.

**56. Tại Phường Bình Phước**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 669; trong đó, điều chỉnh giá 65 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 0 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 52.000.000 đồng/m2 tại Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Ngã tư Đồng Xoài đến Đường Đồng Khởi.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 550.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông còn lại.

**57. Tại Phường Đồng Xoài**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 128; trong đó, điều chỉnh giá 0 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 0 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 6.000.000 đồng/m2 tại Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Phan Bội Châu - Giáp ranh phường Tân Phú đến Cổng Khu công nghiệp Đồng Xoài II (đường N3); Đường Quốc Lộ 14 đoạn từ Đường Phan Bội Châu - Giáp ranh phường Tân Phú đến Phía Tây Trường Trung học cơ sở Tiến Thành.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 550.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã.

**58. Tại Xã Thuận Lợi**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 30; trong đó, điều chỉnh giá 0 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 0 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 6.000.000 đồng/m2 tại Ngoài khu dân cư Thuận Phú 2, Thuận Phú 1 (đối với đất của các hộ gia đình và cá nhân trên trục đường ĐT 741) đoạn từ Hết ranh đất khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc); Thuận Phú 1 (Công Thành) đến Giáp ranh phường Bình Phước.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 400.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã.

**59. Tại Xã Tân Lợi**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 22; trong đó, điều chỉnh giá 0 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 14 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 1.500.000 đồng/m2 tại Đường tuyến số 3, Đường tuyến số 4.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 350.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường còn lại chưa được đầu tư, không có kết nối.

**60. Tại Xã Đồng Tâm**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 29; trong đó, điều chỉnh giá 0 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 0 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 5.000.000 đồng/m2 tại Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Phước (cầu 2) đến Hết ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Nghĩa Trung (bên trái đường Quốc lộ 14); Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Giáp ranh Phường Bình Phước (cầu 2) đến Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 và ấp Đồng Tiến 4 (bên phải đường Quốc lộ 14).

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 400.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã.

**61. Tại Xã Đồng Phú**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 111; trong đó, điều chỉnh giá 0 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 1 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 8.000.000 đồng/m2 tại Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741) đoạn từ Giáp ranh phường Đồng Xoài đến Đường Tổ 99 (Tân Phú cũ, hết ranh đất khu dân cư 17ha).

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 400.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Tiến và Tân Lập cũ.

**62. Tại Xã Bình Tân**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 39; trong đó, điều chỉnh giá 1 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 1 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 42.000.000 đồng/m2 tại Đường dọc song bé đoạn từ Giáp ranh xã Long Hà đến đất ông Đặng Hình Hoạt.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 300.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã.

**63. Tại Xã Long Hà**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 28; trong đó, điều chỉnh giá 3 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 7 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 2.200.000 đồng/m2 tại Đường ĐT 757 đoạn từ Giáp ranh đất trụ sở UBND xã Long Hà đến Hết ranh Trường THPT Ngô Quyền (điểm trường cũ).

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 300.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã.

**64. Tại Xã Phú Riềng**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 78; trong đó, điều chỉnh giá 0 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 3 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 6.000.000 đồng/m2 tại Các đường Số 2 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LA2-1 đến Lô đất LC1-9; Đường số 4 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LE1-1 đến Lô đất LC2-6; Đường số 6 TTTM Bù Nho đoạn từ Lô đất LF1-2 đến Lô đất LC2-15; Đường số 1 TTTM Phú Riềng đoạn từ Tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Tiếp giáp đường số 3 TTTM; Đường số 2 TTTM Phú Riềng đoạn từ Tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) đến Tiếp giáp đường số 3 TTTM; Đường số 3 TTTM Phú Riềng đoạn từ Lô phố chợ LG 24 đến Hết ranh đất chợ cũ.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 400.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã.

**65. Tại Xã Phú Trung**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 35; trong đó, điều chỉnh giá 3 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 9 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 2.000.000 đồng/m2 tại Đường ĐT 759 đoạn từ Ngã ba Đường vào Nhà ăn hóa thôn Đồng Tiến đến Nga ba đường N7.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 300.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã.

**66. Tại Phường Phước Bình**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 197; trong đó, điều chỉnh giá 0 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 0 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 21.400.000 đồng/m2 tại Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ Đường Trường Chinh (từ ranh thửa đất số 3, tờ bản đồ số 36 và Quảng trường 6-1) đến Ngã 3 đường Nguyễn Tất Thành - Đường 3 Tháng 2 (hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 41).

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 600.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường còn lại.

**67. Tại Phường Phước Long**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 84; trong đó, điều chỉnh giá 3 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 2 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 11.500.000 đồng/m2 tại Đường nội ô chợ Phước Long đoạn từ Đường nội ô chợ Phước Long đến Giáp đường 6 tháng 1.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 600.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường giao thông còn lại.

**68. Tại Xã Bù Gia Mập**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 15; trong đó, điều chỉnh giá 0 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 0 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 1.000.000 đồng/m2 tại Đường ĐT 760B đoạn từ Hết ranh Cổng vườn Quốc gia Bù Gia Mập đến Hết ranh đất nhà ông Điểu Khên (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 28).

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 300.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường còn lại.

**69. Tại Xã Đắk Ơ**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 21; trong đó, điều chỉnh giá 0 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 0 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 7.200.000 đồng/m2 tại Đường ĐT 741 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 57, thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 62 đến Trường học, trạm y tế.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 400.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường còn lại.

**70. Tại Xã Phú Nghĩa**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 88; trong đó, điều chỉnh giá 0 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 0 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 6.000.000 đồng/m2 tại Đường ĐT 741 đoạn từ Ngã tư tiếp giáp đường 19/5 đến Ngã tư tiếp giáp đường vành đai trung tâm huyện.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 400.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường còn lại.

**71. Tại Xã Đa Kia**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 57; trong đó, điều chỉnh giá 0 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 0 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 3.100.000 đồng/m2 tại Đường ĐT 759 đoạn từ Giáp ranh đất trụ sở Nông trường 2 - CTy CS Phú Riềng (về phía UBND xã Đa Kia) đến Ngã ba Nhà máy nước (Hết ranh thửa đất số 33 và thửa đất số 34 thuộc tờ bản đồ số 45).

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 300.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường còn lại.

**72. Tại Xã Tân Tiến**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 75; trong đó, điều chỉnh giá 1 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 0 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 5.400.000 đồng/m2 tại Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh đất ông Võ Đình Chiết đến Hết ranh Bưu điện xã Tân Thành.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 250.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường còn lại.

**73. Tại Xã Thiện Hưng**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 141; trong đó, điều chỉnh giá 9 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 0 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 10.200.000 đồng/m2 tại Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Cây xăng thị trấn Thanh Bình, hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 09 đến Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 45.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 300.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường còn lại.

**74. Tại Xã Hưng Phước**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 28; trong đó, điều chỉnh giá 0 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 0 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 1.800.000 đồng/m2 tại Đường ĐT 759B đoạn từ Giáp ranh xã Thiện Hưng đến Cầu sắt 2.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 300.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường còn lại.

**75. Tại Phường Bình Long**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 199; trong đó, điều chỉnh giá 0 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 0 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 28.800.000 đồng/m2 tại Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lê Đại Hành đến Đường Trần Hưng Đạo.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 600.000 đồng/m2 tại Các thửa đất tiếp giáp đường (theo bản đồ chính quy dưới 3m) và các thửa đất không tiếp giáp đường đi hoặc tiếp giáp đường đi dọc theo các lô cao su mà không thể hiện trên bản đồ chính quy trong khu phố, ấp gồm KP Bình Tân, KP Bình An, KP An Bình, Ấp Sóc Du thuộc phường An Lộc có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy số : 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 10, 11, 13, 14, 15, 16, 17, 21, 26, 27, 28, 32, 33, "một phần của tờ bản đồ số 12").

**76. Tại Phường An Lộc**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 196; trong đó, điều chỉnh giá 0 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 0 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 28.800.000 đồng/m2 tại Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến Đường Hùng Vương.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 500.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường còn lại.

**77. Tại Xã Lộc Thành**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 33; trong đó, điều chỉnh giá 0 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 0 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 2.400.000 đồng/m2 tại Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh thị xã Bình Long (Cầu Cần Lê) đến Ngã tư Đồng Tâm.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 300.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường còn lại.

**78. Tại Xã Lộc Ninh**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 116; trong đó, điều chỉnh giá 0 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 2 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 13.200.000 đồng/m2 tại Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Huỳnh Tấn Phát.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 300.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường còn lại.

**79. Tại Xã Lộc Hưng**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 30; trong đó, điều chỉnh giá 0 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 0 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 3.800.000 đồng/m2 tại Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Cây xăng Lộc Phát đến Giáp ranh xã Lộc Thái.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 300.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường còn lại.

**80. Tại Xã Lộc Tấn**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 39; trong đó, điều chỉnh giá 0 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 0 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 5.500.000 đồng/m2 tại Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh đến Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 300.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường còn lại.

**81. Tại Xã Lộc Thạnh**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 16; trong đó, điều chỉnh giá 0 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 0 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 1.300.000 đồng/m2 tại Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Giáp ranh xã Lộc Tấn đến Trạm kiểm soát Hoa Lư.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 300.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường còn lại.

**82. Tại Xã Lộc Quang**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 39; trong đó, điều chỉnh giá 0 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 1 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 2.500.000 đồng/m2 tại Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ) đoạn từ Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 đến Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 300.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường còn lại.

**83. Tại Xã Tân Quan**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 45; trong đó, điều chỉnh giá 0 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 0 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 2.400.000 đồng/m2 tại Đường ĐT 758 đoạn từ Giáp ranh phường An Lộc (Thửa đất số 3, tờ bản đồ số 60) đến Điểm cuối Đài Liệt sỹ(Thửa đất số 380, tờ bản đồ số 141).

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 300.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường còn lại.

**84. Tại Xã Tân Hưng**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 33; trong đó, điều chỉnh giá 1 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 0 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 2.300.000 đồng/m2 tại Đường ĐT 757 đoạn từ Cạnh phía đông thửa đất số 247, tờ bản đồ số 123 (Đất hộ Ông Lê Hoàng Đàn; đối diện Trường THCS Thanh An) đến Điểm cuối thửa đất số 371, tờ bản đồ số 26 (Hộ Ông Vũ Văn Giỏi).

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 300.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường còn lại.

**85. Tại Xã Tân Khai**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 111; trong đó, điều chỉnh giá đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 0 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 9.000.000 đồng/m2 tại Đường Quốc lộ 13 đoạn từ Trạm thu phí đến Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 400.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường còn lại.

**86. Tại Xã Minh Đức**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 48; trong đó, điều chỉnh giá 0 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 0 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 1.800.000 đồng/m2 tại Đường ĐT 752 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 02 đến Phía Bắc: Đến hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 300.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường còn lại.

**87. Tại Xã Phước Sơn**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 73; trong đó, điều chỉnh giá 4 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 38 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 2.300.000 đồng/m2 tại Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Cầu Pan Toong đến Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 300.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường còn lại.

**88. Tại Xã Nghĩa Trung**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 37; trong đó, điều chỉnh giá 4 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 0 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 6.000.000 đồng/m2 tại Đường hai bên chợ Nghĩa Trung đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 500.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường còn lại.

**89. Tại Xã Bù Đăng**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 98; trong đó, điều chỉnh giá 0 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 6 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 9.000.000 đồng/m2 tại Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Bắc: Đường Đoàn Đức Thái đến Đường 14 tháng 12; Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Phía Nam: Nhà Thờ Bù Đăng (từ thửa đất số 76, tờ bản đồ số 8) đến Đường 14 tháng 12

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 400.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường còn lại xã Đoàn Kết cũ.

**90. Tại Xã Thọ Sơn**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 39; trong đó, điều chỉnh giá 3 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 0 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 2.600.000 đồng/m2 tại Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Chợ Thọ Sơn (Km 898 + 600) đến Ngã 3 Sơn Hiệp (Km 899 + 800).

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 300.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường còn lại.

**91. Tại Xã Đắk Nhau**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 38; trong đó, điều chỉnh giá 0 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 2 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 1.000.000 đồng/m2 tại Đường ĐT 760 đoạn từ Giáp ranh thửa 204, tờ bản đồ số 79 đến Đến hết ranh của hàng điện thoại Ngọc Sơn.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 250.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường còn lại.

**92. Tại Xã Bom Bo**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 41; trong đó, điều chỉnh giá 7 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 4 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 2.500.000 đồng/m2 tại Đường hai bên chợ Bom Bo đoạn từ Hành lang nhà lồng chợ chính đến Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 300.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường còn lại.

**93. Tại Xã Nha Bích**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 41; trong đó, điều chỉnh giá 28 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 0 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 6.000.000 đồng/m2 tại Đường Quốc lộ 14 đoạn từ Ngã tư (thửa đất số 311, tờ bản đồ số 74) đến Ngã tư (thửa đất số 428, tờ bản đồ số 74).

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 550.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường đất còn lại.

**94. Tại Phường Chơn Thành**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 227; trong đó, điều chỉnh giá 6 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 0 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 29.000.000 đồng/m2 tại Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13) đoạn từ Ngã tư Chơn Thành đến Phía Đông: Giáp đường bê tông (Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Riêng) Phía Tây: Giáp đường bê tông hết ranh đất bà Nguyễn Thị Mòi.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 590.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường đất còn lại.

**95. Tại Phường Minh Hưng**

Tổng số đoạn, tuyến đường có tên trong bảng giá đất trên địa bàn là 30; trong đó, điều chỉnh giá 0 đoạn, tuyến đường hiện có và bổ sung mới 0 đoạn, tuyến đường.

Mức giá cao nhất tại vị trí 1 là 18.000.000 đồng/m2 tại Đường Quốc lộ 13 đoạn từ phía tây giáp đường số 35, phía đông giáp đường ĐH01 đến Phía tây giáp đường ĐH 04, phía đông giáp đường số 69.

Mức giá thấp nhất tại vị trí 1 là 590.000 đồng/m2 tại Các tuyến đường đất còn lại.